

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK SONG
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2022/DS-ST
Ngày: 22/8/2022
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản
và hợp đồng mua bán tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG – TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Hà và ông Nguyễn Hữu Lỗi;

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện V Kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Song xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 99/2022/TLST-DS ngày 24 tháng 3 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2022/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 79/2022/QĐST-DS ngày 02/8/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Hoàng Văn L và bà Tống Thị D; có mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn B, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

2. Bị đơn: Ông Vũ Văn V và bà Trần Thị T; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn B, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

NỘI D VU ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/3/2022, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa của nguyên đơn ông Hoàng Văn L và bà Tống Thị D trình bày:

Ông Hoàng Văn L và bà Tống Thị D cho ông Vũ Văn V và bà Trần Thị T vay số tiền 637.800.000 đồng (sáu trăm ba mươi bảy triệu tám trăm nghìn đồng) theo giấy vay tiền ngày 20/10/2021, lãi suất thỏa thuận 1%/tháng và hẹn tới ngày 20/11/2021 trả. Đến hạn không trả, mặc dù ông L và bà D đã đòi nợ rất nhiều lần nhưng ông V và bà T cứ hẹn lần này đến lần khác không trả như đã thỏa thuận. Vì vậy, ông L và bà D đã làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đắk Song giải quyết buộc ông Vũ Văn V và

bà Trần Thị T trả số nợ gốc 637.800.000 đồng (*sáu trăm ba mươi bảy triệu tám trăm nghìn đồng*) và lãi suất tạm tính là 30.000.000 đồng (*ba mươi triệu đồng*).

Tuy nhiên, trên cơ sở bản tự khai của bà T trình bày về nguồn gốc số nợ, yêu cầu Tòa án xem xét lại nguồn gốc số tiền mà ông (bà) xác nhận trên bao gồm cả gốc và lãi, tiền lãi hai bên thoả thuận là 2%/ tháng/ là cao so với quy định pháp luật. Đồng thời, bà T có bán cà phê và còn nợ lại, quy ra tiền, nhân lãi mới ra tổng số tiền hai bên xác nhận là 637.800.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 20/10/2021. Đối với số tiền năm 2019 bà T trả được 872 kg, do không còn nợ nên không tính. Nên khoản tiêu này không còn liên quan.

Do đó, căn cứ các chứng cứ về nguồn gốc số nợ trên, ông L và bà D trình bày và thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện để có căn cứ giải quyết. Đồng thời, khai bổ sung về nguồn gốc số nợ như sau:

Đối với khoản vay nhiều lần của năm 2017 tổng cộng là 35.495.000 đồng (*ba mươi lăm triệu bốn trăm chín mươi lăm nghìn đồng*); ngày 11/5/2017, ông V và bà T đã trả được 30.000.000 đồng (*ba mươi triệu đồng*), khi đến chốt nợ hai bên thoả thuận là 2%/ tháng nên khi yêu cầu tính lại theo quy định thì lãi suất tối đa không quá 20%/năm nên ông L và bà D tính lại theo quy định của pháp luật là 1,66%/tháng. Hiện khoản này còn nợ gốc 5.495.000 đồng (*năm triệu bốn trăm chín mươi lăm nghìn đồng*) x 1,66%/tháng x 53 tháng 08 ngày (Thời hạn tính lãi tính từ ngày 12/5/2017 đến ngày 20/10/2021) = 4.858.824 đồng. Về lãi suất từ ngày thỏa thuận xác nhận nợ tính từ ngày 21/10/2021 đến ngày xét xử thì yêu cầu tính theo quy định của pháp luật.

Đối với khoản vay 177.933.000 đồng (*một trăm bảy mươi bảy triệu, chín trăm ba mươi ba nghìn đồng*), khi đến chốt nợ hai bên thoả thuận là 2%/ tháng nên khi yêu cầu tính lại theo quy định thì lãi suất tối đa không quá 20%/ năm nên ông L và bà D tính lại theo quy định của pháp luật là 177.933.000 đồng x 1,66%/tháng x 57 tháng + 03 ngày (thời hạn tính lãi tính từ ngày 17/01/2017 đến ngày 20/10/2021) = 168.655.573 đồng. Về lãi suất từ ngày thỏa thuận xác nhận nợ tính từ ngày 21/10/2021 đến ngày xét xử thì yêu cầu tính theo quy định của pháp luật.

Đối với khoản cà phê nhân xô, bà T đến bán nhiều lần, đã lấy hết tiền và hẹn tháng 10/2018 giao cà phê, tổng cộng là 4.273 kg, đến ngày 09/12/2018 bà T đã trả được 1.900 kg, còn lại chưa trả 2.373 kg nhân xô đủ độ (*Hai nghìn ba trăm bảy mươi ba kilogam*)

Về chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình nguyên đơn đã nộp các bản gốc cho Tòa án gồm giấy vay tiền ngày 20/10/2021 với số tiền nợ là 637.800.000 đồng; giấy chi tiết số nợ ngày 17/01/2017 đến ngày 27/11/2017 (BL 26); giấy chi tiết số nợ thể hiện ngày 14/02/2018 (số tiền nợ là 243.505.000 đồng và tổng số cà phê ký bán theo từng đợt, tính đến ngày 21/10/2018 (BL 27) để có căn cứ giải quyết vụ án.

2. Đối với bị đơn ông Vũ Văn V và bà Trần Thị T trình bày:

Đối với ông Vũ Văn V: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập họp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý. Vì vậy, Tòa án tiến hành lập các thủ tục theo quy định và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Đối với bà Trần Thị T trình bày trong bản tự khai ngày 05/5/2022: ông L, bà D khởi kiện gia đình bà phải trả số tiền 637.800.000 đồng (*sáu trăm ba mươi bảy triệu tám trăm nghìn đồng*) theo giấy xác nhận nợ ngày 20/11/2021 là bà không đồng ý. Vì nguồn gốc theo bà T trình bày là nợ số tiền gốc 177.930.000 đồng (*một trăm bảy mươi bảy triệu chín trăm ba mươi nghìn đồng*) kèm theo hóa đơn mua bán. Vì điều kiện làm ăn thua lỗ nên hàng năm chỉ trả được một phần, cụ thể ngày 11/5/2017 trả được 30.000.000 đồng (*ba mươi triệu đồng*); năm 2019 trả được 872 kg tiêu. Nên căn cứ chứng cứ bà yêu cầu nguyên đơn cung cấp lại nguồn gốc số nợ yêu cầu Tòa án xem xét lại số nợ cho gia đình bà T theo quy định của pháp luật.

Quá trình làm việc ông V và bà T không chấp hành theo các văn bản tố tụng mà Tòa án tổng đạt quyết định đối chất, thông báo phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải. Vì vậy, Tòa án lập biên bản không đối chất, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và không hòa giải được vụ án. Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Đại diện V kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và về nội D vụ án phát biểu như sau:

Về tố tụng: Việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm xét xử, Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án: Xác định đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng tài sản và hợp đồng mua bán tài sản”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song. Thẩm phán đã xác định đúng về tư cách pháp lý và mối quan hệ của các bên trong quá trình tham gia tố tụng. Đảm bảo việc cấp và tổng đạt các văn bản tố tụng cho V kiểm sát và người tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 170, 171, 173, 176 và Điều 177 BLTTDS.

Tòa án thu thập chứng cứ theo đúng quy định tại các Điều 96, 97 BLTTDS. Tòa án đã tiến hành lấy lời khai, lập các biên bản công khai chứng cứ, hòa giải không được theo quy định tại các Điều 10, 98, 108, 109, 208 BLTTDS.

Về thời hạn giải quyết vụ án: Đảm bảo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 2 Điều 143, khoản 1 Điều 147, Điều 170, 171, 173, 176, 177, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273, điểm a khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 430, 431, 432, 433, 435, 436; 357, 463, 465, 466, 468, Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Đề nghị, Hội đồng xét xử (HĐXX):

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hoàng Văn L và bà Tổng Thị D.

Buộc ông Vũ Văn V và bà Trần Thị T phải trả cho ông Hoàng Văn L và bà Tổng Thị D tổng số tiền gốc và lãi là 375.346.000 đồng (*Ba trăm bảy mươi lăm triệu, ba trăm bốn mươi sáu nghìn đồng*), trong đó tiền gốc là 183.428.000 đồng, lãi 191.918.000 đồng và 2.373 kg (*Hai nghìn ba trăm bảy mươi ba kilogam*) cà phê nhân xô đủ độ.

Các nội dung khác: HĐXX giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ý kiến khác phục khác: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết tranh chấp: Ông Hoàng Văn L và bà Tổng Thị D khởi kiện ông Vũ Văn V và bà Trần Thị T trả nợ theo nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng vay tài sản và hợp đồng mua bán tài sản. Kể từ ngày nhận nợ và xác nhận việc bán cà phê, ông L và bà D đòi nhiều lần nhưng không trả nên hện lần này đến lần khác. Vì vậy, HĐXX nhận thấy quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng bán tài sản” được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự (viết tắt BLTTDS). Hiện nay bị đơn đang cư trú tại Thôn B, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, Tòa án có thẩm quyền giải quyết tranh chấp là Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông theo điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Giấy xác nhận nợ vào ngày 20/10/2021, hạn trả ngày 20/11/2021 nhưng không trả. Đến ngày 23/3/2022 ông L và bà D khởi kiện nên căn cứ Điều 184, Điều 185 BLTTDS vẫn đảm bảo về thời hiệu theo quy định

[3] Quá trình giải quyết vụ án: Ông Vũ Văn V và bà Trần Thị T đã được Toà án tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 173, Điều 175, 176 và Điều 177 BLTTDS. Tuy nhiên, ông V và bà T vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[4] Xét về nội dung tranh chấp:

[4.1] Xét về giấy xác nhận nợ ngày ngày 20/10/2021 dương lịch có đầy đủ, chữ ký người vay tiền, quá trình giải quyết vụ án các đương sự không thống nhất về khoản vay nợ gốc còn lại vì cho rằng tính lãi suất 2%/ tháng là cao so với quy định của pháp luật. Đồng thời, ông L và bà D tính lãi, sau đó cộng vào gốc; đối với cà phê quy ra giá tại thời điểm để tính thành tiền, nên mới có số nợ tổng cộng là 637.800.000 đồng. Trên cơ sở lời

trình bày của bị đơn, Toà án yêu cầu nguyên đơn cung cấp các chứng cứ liên quan đến các khoản nợ. Đồng thời, căn cứ lời khai của nguyên đơn và chứng cứ cung cấp cho Toà án về nguồn gốc thì lời trình bày của bị đơn có một phần là đúng. Vì vậy, đối chiếu số nợ HĐXX tính lại lãi suất theo quy định của pháp luật là không quá 20%/ năm/ số nợ gốc để đảm bảo quyền lợi cho đương sự là phù hợp với quy định khoản 1 Điều 468 BLDS.

Tại khoản 1 Điều 468 BLDS quy định:

“Lãi suất vay do các bên thỏa thuận.

Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực”.

Đối với khoản lãi kể từ ngày 21/10/2021, các bên thỏa thuận tính lãi suất 1%/tháng là phù hợp với quy định của pháp luật. Tại phiên toà nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về số nợ gốc và lãi suất tính theo quy định của pháp luật, xét việc yêu cầu này là có căn cứ, phù hợp nên chấp nhận.

Đối với lời trình bày của bà T về số tiêu năm 2019 trả được 872 kg, do không còn nợ nên không tính vào giấy xác nhận nợ ngày 20/10/2021. Nên khoản tiêu này không còn liên quan gì trong vụ án.

Từ phân tích trên HĐXX, xét thấy căn cứ chứng cứ gốc nguyên đơn cung cấp và lời trình bày thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, HĐXX tính lại nguồn gốc số nợ với từng khoản, từng thời điểm cả gốc và lãi như sau:

[4.2.] Đối với khoản vay tổng cộng là 35.495.000 đồng (*ba mươi lăm triệu bốn trăm chín mươi lăm nghìn đồng*); ngày 11/5/2017, ông V và bà T đã trả được 30.000.000 đồng (*ba mươi triệu đồng*), khi đến chốt nợ hai bên thỏa thuận lãi suất 2%/ tháng nên khi yêu cầu tính lại theo quy định thì lãi suất tối đa không quá 20%/ năm nên ông L và bà D tính lại theo quy định của pháp luật là 1,66%/tháng. Hiện khoản này còn nợ gốc là 5.495.000 đồng (*năm triệu bốn trăm chín mươi lăm nghìn đồng*) x 1,66%/tháng x 53 tháng 08 ngày (Thời hạn tính lãi tính từ ngày 12/5/2017 đến ngày 20/10/2021) = 4.858.821 đồng (làm tròn 4.859.000 đồng).

*Thời hạn tính lãi từ ngày 21/10/2021 (Là ngày hai bên xác nhận lại nợ) thỏa thuận lãi 1%/ tháng, nên số gốc và lãi tính đến ngày xét xử tính theo lãi suất đã thỏa thuận 1%/ tháng/ số nợ gốc phải trả là:

- Số tiền gốc 5.495.000 đồng x 1% x 10 tháng 01 ngày = 551.331 đồng (Làm tròn 551.000 đồng).

Tổng cộng cả gốc và lãi là: gốc 5.495.000 đồng + tiền lãi 4.859.000 đồng + tiền lãi 551.000 đồng = 10.905.000 đồng.

[4.3] Đối với khoản vay 177.933.000 đồng (*một trăm bảy mươi bảy triệu, chín trăm ba mươi ba nghìn đồng*) x 1,66%/tháng x 57 tháng + 03 ngày (thời hạn tính lãi tính từ ngày 17/01/2017 đến ngày 20/10/2021) = 168.655.573 đồng (Làm tròn 168.655.500 đồng).

*Thời hạn tính lãi từ ngày 21/10/2021 (Là ngày hai bên xác nhận lại nợ) thỏa thuận lãi 1%/ tháng, nên số gốc và lãi tính đến ngày xét xử tính theo lãi suất đã thỏa thuận 1%/ tháng/ số nợ gốc phải trả là:

- Số tiền gốc 177.933.000 đồng x 1% x 10 tháng 01 ngày = 17.852.611 đồng (Làm tròn 17.852.500 đồng).

Tổng cộng cả gốc và lãi là: gốc 177.933.000 đồng + tiền lãi 168.655.500 đồng + tiền lãi 17.852.500 đồng = 364.441.000 đồng.

Tổng cộng cả gốc và lãi của các khoản trên là 10.905.000 đồng + 364.441.000 đồng = 375.346.000 đồng (*Ba trăm bảy mươi lăm triệu, ba trăm bốn mươi sáu nghìn đồng*).

[4.4] Đối với khoản cà phê nhân xô, bà T đến bán nhiều lần, đã lấy hết tiền và hẹn tháng 10/2018 giao cà phê cho ông L và bà D, tổng cộng là 4.273 kg (*Bốn nghìn, hai trăm bảy mươi ba kilo gam*), ngày 09/12/2018 bà T đã trả 1.900 kg, còn nợ lại 2.373 kg (*Hai nghìn ba trăm bảy mươi ba kilogam*) cà phê nhân xô đủ độ.

Từ phân tích trên, HĐXX nhận thấy yêu cầu thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn L và bà Tống Thị D là phù hợp nên chấp nhận: Buộc ông Vũ Văn V và bà Trần Thị T phải trả cho ông Hoàng Văn L và bà Tống Thị D tổng số tiền gốc và lãi là 375.346.000 đồng (*Ba trăm bảy mươi lăm triệu, ba trăm bốn mươi sáu nghìn đồng*), trong đó tiền gốc là 183.428.000 đồng, lãi 191.918.000 đồng.

Buộc ông Vũ Văn V và bà Trần Thị T phải trả cho ông Hoàng Văn L và bà Tống Thị D là 2.373 kg (*Hai nghìn ba trăm bảy mươi ba kilogam*) cà phê nhân xô đủ độ.

Áp dụng Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 để tính lãi suất chậm thi hành án đối với số tiền chậm trả.

[5] Xét quan điểm của V kiểm sát nhân dân huyện Đăk Song là phù hợp nên chấp nhận.

[6]. Về án phí: Giá cà phê tại thời điểm xét xử theo kết quả xác minh tại Công ty TNHH một thành viên C là 48.500 đồng/ 01 kg , vậy 2.373 kg x 48.500 đồng = 115.090.000 đồng + 375.346.000 đồng = 490.436.000 đồng. Do yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn L và bà Tống Thị D được chấp nhận nên ông Vũ Văn V và bà Trần Thị T phải chịu án toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền 490.436.000 đồng = 20.000.000 đồng + (04% của phần giá trị tranh chấp vượt quá 400.000.000 đồng (90.436.000 đồng x 4%) = 3.617.440 đồng. Tổng cộng án phí phải chịu là 23.617.440 đồng (Làm tròn 23.617.500 đồng), (*hai mươi ba triệu, sáu trăm*

mười bảy nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

Hoàn trả lại cho ông Hoàng Văn L và bà Tống Thị D số tiền nộp tạm ứng án phí là 17.356.000 đồng theo biên lai số 0001379 ngày 24/3/2022 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 2 Điều 143, khoản 1 Điều 147, Điều 170, 171, 173, 176, 177, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273, điểm a khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 430, 431, 432, 433, 435, 436; 357, 463, 465, 466, 468, Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hoàng Văn L và bà Tống Thị D.

Buộc ông Vũ Văn V và bà Trần Thị T phải trả cho ông Hoàng Văn L và bà Tống Thị D tổng số tiền gốc và lãi là 375.346.000 đồng (*Ba trăm bảy mươi lăm triệu, ba trăm bốn mươi sáu nghìn đồng*), trong đó tiền gốc là 183.428.000 đồng, lãi 191.918.000 đồng và 2.373 kg (*Hai nghìn ba trăm bảy mươi ba kilogam*) cà phê nhân xô đủ độ.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án), cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

3. Về án phí: Buộc ông Vũ Văn V và bà Trần Thị T phải nộp là 23.617.500 đồng (*hai mươi ba triệu, sáu trăm mười bảy nghìn năm trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho ông Hoàng Văn L và bà Tống Thị D số tiền nộp tạm ứng án phí là 17.356.000 đồng theo biên lai số 0001379 ngày 24/3/2022 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo toàn bộ bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt bản án hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Đ;
- VKSND tỉnh Đ;
- VKSND huyện Đắk Song;
- Chi cục THA huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Hoàng Thị Thu Hà